

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thí sinh trúng tuyển các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT, đợt 3, năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 14/5/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2290/QĐ-ĐHTN ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng về việc công nhận điểm trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông, đợt 3, năm 2020;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 23 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, đợt 3, năm 2020 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo đúng quy chế hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, các đơn vị và thí sinh có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(6)



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHẤM THỬ, THEO PHƯƠNG THỨC XÉT ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT, ĐỢT 3 - NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 2292/QĐ-ĐHTN ngày 13 tháng 11 năm 2020)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Môn 1	Môn 2	Môn 3	DT	KV	Tổng điểm	Ghi chú		
* 7140202JR-GD Tiểu học Tiếng Jrai												
1	H - Chi Na Siu	02/08/2002	Nữ	Ngữ văn	6.75	Lịch sử	4.5	Địa lí	7.5	01	1	21.5
2	H' Naomi Niê	02/06/2002	Nữ	Ngữ văn	7.25	Lịch sử	3.5	Địa lí	6.25	01	1	19.75
3	H' Suên Buôn Krông	23/07/2002	Nữ	Ngữ văn	6.75	Toán	7	Tiếng Anh	5.6	01	1	22.1
4	Hồ Thị Tường Vi	23/11/2002	Nữ	Ngữ văn	7.25	Toán	6.2	Tiếng Anh	4.8		1	19
5	Lê Thị Trâm Anh	24/04/2002	Nữ	Ngữ văn	8.25	Toán	7.6	Tiếng Anh	5.6		1	22.2
6	Nguyễn Thị Kim Oanh	08/09/2002	Nữ	Ngữ văn	7.67	Toán	7.8	Tiếng Anh	4.4		1	20.62
7	Romah Tôm	24/06/2001	Nữ	Ngữ văn	7	Lịch sử	4.75	Địa lí	5.75	01	1	20.25
* 7140209 -Sư phạm Toán học												
1	Hoàng Ngọc Ngân	09/07/2002	Nữ	Toán	8.4	Vật lí	7.5	Hóa học	7		1	23.65
* 7140212 -Sư phạm Hóa học												
1	Trần Thị Thu Hằng	04/04/2002	Nữ	Toán	7.2	Hóa học	7.75	Sinh học	6.5		1	22.2
* 7140217 -Sư phạm Ngữ văn												
1	H Hiêng Ktla	10/07/2002	Nữ	Ngữ văn	6	Địa lí	7.5	GD Công dân	8	01	1	24.25
2	H Lin Ksor	24/08/2001	Nữ	Ngữ văn	7.25	Lịch sử	7.25	Địa lí	8	01	1	25.25
3	Nguyễn Ngọc Cao	11/05/2002	Nam	Ngữ văn	8.25	Lịch sử	8.75	Địa lí	8.25		1	26
* 7220201 -Ngôn ngữ Anh												

NGUYỄN HOÀNG SA

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Môn 1	Môn 2	Môn 3	DT	KV	Tổng điểm	Ghi chú
1	Cao Văn Hiền	20/01/2002	Nam	Ngữ văn	5.5	Toán	6.6	Tiếng Anh	5.6	
2	H' Hân Khuê	29/04/2002	Nữ	Ngữ văn	6.5	Toán	5.6	Tiếng Anh	4	01
3	Lê Hạnh Nguyễn	21/02/2002	Nữ	Ngữ văn	6.5	Toán	8.8	Tiếng Anh	7.8	
4	Nguyễn Thị Thanh Huệ	22/12/2002	Nữ	Ngữ văn	6.75	Toán	8.4	Tiếng Anh	6.4	
5	Nguyễn Thị Xuân Mai	30/10/2002	Nữ	Ngữ văn	7	Toán	8.4	Tiếng Anh	6.2	

*** 7310105 - Kinh tế phát triển**

1	Dặng Thị Thu Thủy	03/08/2002	Nữ	Ngữ văn	5.5	Toán	6.4	Tiếng Anh	3.6		1	16.25
2	Đỗ Thị Hằng	27/02/2002	Nữ	Toán	7.6	Vật lý	7.25	Hóa học	7.25	01	1	24.85
3	Nguyễn Thị Hoa Phong Lan	02/08/2002	Nữ	Ngữ văn	8.75	Toán	7.2	Tiếng Anh	4.6		1	21.3

*** 7510406 - Công nghệ KT Môi trường**

1	Hồ Thụy Nhật Hạ	06/09/2002	Nữ	Toán	7.4	Sinh học	6	Tiếng Anh	9.2		1	23.35
---	-----------------	------------	----	------	-----	----------	---	-----------	-----	--	---	-------

*** 7620115 - Kinh tế nông nghiệp**

1	Đỗ Hữu Nghĩa	23/07/2002	Nam	Toán	8.4	Vật lý	7.25	Tiếng Anh	7.2		1	23.6
2	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	14/03/2002	Nữ	Ngữ văn	4.25	Toán	7.8	Tiếng Anh	6.8		1	19.6

Danh sách gồm 23 thí sinh.



QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học,
hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét học bạ, đợt 4, năm 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 đã được sửa đổi;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh ban hành theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 14/5/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-ĐHTN ngày 13/11/2020 của Hiệu trưởng về việc công nhận điểm trúng tuyển các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo phương thức xét học bạ, đợt 4, năm 2020;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 18 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy theo phương thức xét học bạ, đợt 4, năm 2020 (trong phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo đúng quy chế hiện hành.

Điều 3. Phòng Đào tạo đại học, các đơn vị có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.(12)



TS. Nguyễn Thanh Trúc



Phụ lục

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, THEO PHƯƠNG THỨC XÉT HỌC BẠ, ĐỢT 4 - NĂM 2020**
(Kèm theo Quyết định số 2291...../QĐ-ĐHTN ngày 15.....tháng 11 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Học lực 12	DT	KV	Tổng điểm	Ghi chú	
* 7140202JR-GD Tiểu học Tiếng Jrai												
1	Trần Thị Hương Quỳnh	26/09/1994	Nữ	Ngữ văn	7.4	Toán	9.4	Tiếng Anh	8.45	Giỏi	1 26	Xét 2 học kỳ
* 7220201 -Ngôn ngữ Anh												
1	Phùng Văn Hậu	17/03/2002	Nam	Ngữ văn	6.25	Toán	7	Tiếng Anh	7.1	Khá	1 21.1	Xét 2 học kỳ
2	Phạm Thị Minh Huyền	02/04/2002	Nữ	Ngữ văn	6.65	Toán	7.6	Tiếng Anh	7.9	Khá	1 22.9	Xét 2 học kỳ
* 7229030 -Văn học												
1	H Loan Mlô	11/04/2001	Nữ	Ngữ văn	5.8	Lịch sử	6.45	GD Công dân	7.05	Khá	01 1 22.05	Xét 2 học kỳ
* 7310105 -Kinh tế phát triển												
1	H Tuyết Long Ding	09/05/2001	Nữ	Toán	7.1	Vật lí	6.9	Hóa học	7.6	Khá	01 1 24.35	Xét 2 học kỳ
2	Phạm Nguyễn Thu Hà	26/02/2002	Nữ	Toán	5.65	Vật lí	6.2	Hóa học	6.6	Khá	1 19.2	Xét 2 học kỳ
3	Nguyễn Thị Hằng	15/06/2002	Nữ	Toán	7.05	Hóa học	7.85	Tiếng Anh	7.5	Khá	1 23.15	Xét 2 học kỳ
4	Lê Thị Kim Hoàng	23/06/2002	Nữ	Toán	5.8	Vật lí	7.25	Hóa học	6.05	Trung bình	1 19.85	Xét 2 học kỳ
5	Dương Thị Nga	23/03/2001	Nữ	Ngữ văn	7.3	Toán	7.2	Tiếng Anh	7.3	Khá	1 22.55	Xét 2 học kỳ
6	Lê Thị Hồng Nhung	19/12/2002	Nữ	Ngữ văn	5.6	Toán	6.2	Tiếng Anh	5.85	Khá	1 18.4	Xét 2 học kỳ
7	Hồ Thảo Vy	16/06/2001	Nữ	Ngữ văn	6.15	Toán	6.5	Tiếng Anh	7.8	Khá	1 21.2	Xét 2 học kỳ
8	H Yên Buôn Yá	12/07/2000	Nữ	Toán	5.2	Hóa học	5.95	Tiếng Anh	5.25	Trung bình	01 1 19.15	Xét 2 học kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Học lực 12	ĐT	KV	Tổng điểm	Ghi chú			
* 7480201 -Công nghệ thông tin														
1	Nguyễn Ngọc Sơn	21/07/2002	Nam	Toán	6.67	Vật lí	6.4	Hóa học	6.5	Khá	1	20.32	Xét 3 học kỳ	
* 7510406 -Công nghệ KT Môi trường														
1	Đỗ Văn Thọ	27/02/1997	Nam	Toán	6.7	Vật lí	6.9	Hóa học	5.4	Khá	2NT	19.5	Xét 2 học kỳ	
* 7540101 -Công nghệ thực phẩm														
1	Vi Thị Nguyệt Ánh	26/09/2002	Nữ	Toán	7.25	Hóa học	6.4	Tiếng Anh	7	Khá	01	1	23.4	Xét 2 học kỳ
* 7640101 -Thú y														
1	Y Khổ Ayun	01/12/2002	Nam	Toán	6.15	Hóa học	7.35	Sinh học	7.05	Trung bình	01	1	23.3	Xét 2 học kỳ
2	Đinh Trương Trọng Minh	09/07/2001	Nam	Toán	6.05	Vật lí	8.7	Sinh học	6	Khá		1	21.5	Xét 2 học kỳ
* 7850103 -Quản lí đất đai														
1	Châu Thị Lan Hương	09/11/2002	Nữ	Toán	7.03	Vật lí	8.03	Hóa học	6.4			1	22.21	Xét 3 học kỳ

Danh sách gồm 18 thí sinh.